

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Yên sào  
Song Hưng số 20/CV-YSSH ngày 12 tháng 9 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
4283/TTr-STNMT ngày 23 tháng 9 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Yên sào Song Hưng, địa chỉ tại số 236 Thống Nhất, phường Phú Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Tây Cà Rôm 2 tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: Khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Tây Cà Rôm 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500381255 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 12/6/2019; cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 15/03/2021.

1.4. Mã số thuế: 4500381255.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến đá xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Diện tích sử dụng đất 11,2414 ha, gồm: khu vực khai thác 8,2302 ha, khu vực chế biến 3,0112 ha; công suất khai thác đá 115.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm; công suất chế biến đá của (01) trạm nghiền sàng 120 tấn/giờ tương đương 82.000 m<sup>3</sup> sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Nước thải sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được tận dụng tưới cây và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả thải khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Yên sào Song Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

có khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày      tháng      năm 2022 đến ngày      tháng      năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Bắc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- Chủ Dự án (3b);
- Các Sở: TN&MT, CT, XD;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Công Hải;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT.      TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Huyền**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được tái sử dụng để tưới cây trong khuôn viên Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý được tập trung vào 01 ngăn chứa dung tích 3 m<sup>3</sup>, kích thước (1,5 m x 2,0 m x 1 m) để tái sử dụng cho tưới cây trong khuôn viên Dự án. Toạ độ ngăn chứa là X=1304003, Y= 0588840 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>) nằm trong khuôn viên Dự án thuộc xã Công Hải, huyện Thuận Bắc.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm; tương đương 0,05 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT theo đường ống dẫn về ngăn chứa theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận (ngăn chứa nước sau xử lý) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường phải đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại, sau đó, thu gom vào ngăn chứa để tưới cây.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → hố ga (dung tích 0,25 m<sup>3</sup>) → bể tự hoại 03 ngăn: ngăn chứa nước (dung tích 30 m<sup>3</sup>) → ngăn lắng (dung tích 10 m<sup>3</sup>) → ngăn lọc (dung tích 10 m<sup>3</sup>) → ngăn chứa nước sau xử lý (dung tích 3 m<sup>3</sup>) → tưới cây.

- Công suất xử lý nước thải của bể tự hoại: 1,2 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chế phẩm sinh học EM/P.MET.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/04/2023.

#### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý vào ngăn chứa nước thải có tọa độ X=1304003, Y= 0588840 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>) nằm trong khuôn viên Dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi chảy vào ngăn chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng cho tưới cây.

3.2. Vận hành thường xuyên bể tự hoại bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

- Hoạt động khai thác đá: Nguồn phát sinh bụi và khí thải chủ yếu từ hoạt động đào và bóc tầng phủ, khoan và nổ mìn, xúc, bốc và vận chuyển đá từ khu khai thác về khu chế biến đá.

- Hoạt động chế biến đá: Nguồn phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động nghiền sàng đá của 01 trạm nghiền sàng đá công suất 120 tấn/giờ; bốc xúc và vận chuyển đá thành phẩm đi tiêu thụ.

- Thành phần ô nhiễm chính gồm: Bụi, CO, NO<sub>2</sub> và SO<sub>2</sub>.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

2.1.1. Đối với hoạt động khai thác đá: Chủ yếu trong phạm vi của khu vực khai thác của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1304430	588621
2	1304354	588736
3	1304117	588786
4	1304069	588656
5	1304148	588392

Và trên đường vận chuyển đá từ khu khai thác về khu chế biến đá.

2.1.2. Đối với hoạt động chế biến đá: Chủ yếu trong phạm vi của khu vực chế biến của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
A	1304009	588852
B	1304026	588938
C	1304016	588959

D	1304050	589017
E	1303929	589066
F	1303910	589050
G	1303821	588894
H	1303897	588861

Và trên đường vận chuyển đá thành phẩm đi tiêu thụ.

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: Khi cả ba (03) máy xúc thuỷ lực gầu ngược (công suất 1,2 m<sup>3</sup>/gầu), ba (03) ô tô tải tự đổ (tải trọng 15 tấn), hai (02) máy xúc bánh lốp (công suất 2,8 m<sup>3</sup>/gầu), hai (02) máy khoan BMK5, hai (02) máy nén khí; một (01) xe bồn (hiệu JAC) phun nước dập bụi và một (01) trạm nghiền sàng (công suất 120 tấn/giờ) cùng hoạt động.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải: Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến đá.

2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	TSP	µg/m <sup>3</sup>	300
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	350
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	30.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi.

1.1.1. Công trình, thiết bị phun nước dập bụi tại đường vận chuyển:

- Xây 01 bể chứa nước dập bụi dung tích 192 m<sup>3</sup> (20xm x 8 m x 1,2 m) tại phía Tây Nam khu vực trạm nghiền. Đáy, thành bể xây bằng đá loca và lót bạt HDPE chống thấm.

- Trang bị 01 xe bồn bằng thép dung tích 8 m<sup>3</sup> phun nước dập bụi hiệu JAC, biển số 51C-418.19.

1.1.2. Công trình, thiết bị phun nước dập bụi, khí thải tại hệ thống trạm nghiền sàng:

- Lắp đặt 01 bồn chứa nước bằng nhựa dung tích 40 m<sup>3</sup> (5 m x 4 m x 2 m) phía Tây Nam khu vực trạm nghiền; 01 đồng hồ nước để kiểm soát lượng nước sử dụng dập bụi tại trạm nghiền sàng đá; 01 máy bơm 1,5 Hp để bơm nước từ kênh hồ sông Trâu vào bồn chứa nước.

- Tạo ẩm cho đá nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến: Nước từ bồn chứa 40 m<sup>3</sup> được bơm 1,5 Hp bơm tưới đá nguyên liệu bằng ống nhựa PVC Φ 42 mm, với định mức 8 lít nước/ m<sup>3</sup> tạo ẩm trước khi đưa vào hàm nhai của máy nghiền sơ cấp để chế biến.

- Lắp đặt 01 hệ thống dập bụi tại trạm nghiền sàng công suất 120 tấn/giờ, gồm: 01 bơm công suất 1,5 Hp, 04 béc phun nước bằng ống nhựa PVC đục lỗ Φ 10mm, dài 0,5m tại các vị trí: Trước khi vào hàm nhai của máy nghiền sơ cấp, trước khi vào hàm nhai của máy nghiền thứ cấp, tại côn tinh trước khi vào hệ thống sàng và tại côn tinh sau khi ra khỏi hệ thống sàng.

- Quy trình phun nước dập bụi tại hệ thống trạm nghiền sàng 120 tấn/giờ:

Đá nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến được phun nước tạo ẩm. Nước từ bồn chứa 40 m<sup>3</sup> được bơm cấp cho 04 béc phun để phun dập bụi và tạo ẩm cho đá bán thành phẩm tại các vị trí sau của dây chuyền chế biến đá: Trước khi vào hàm nhai của máy nghiền sơ cấp, trước khi vào hàm nhai của máy nghiền thứ cấp, tại côn tinh trước khi vào hệ thống sàng và tại côn tinh sau khi ra hệ thống sàng, với định mức nước sử dụng 12 lít nước/ m<sup>3</sup> đá.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng cho dập bụi: Nước sạch được lấy từ kênh Sông Trâu.

- Trồng 01 hàng cây neem (cao từ 2,5 m - 3 m, cây cách cây 1,4 m) xung quanh khu vực chế biến dài 488 m (phía Bắc dài 156 m, phía Đông dài 132 m, phía Nam dài 200 m) để ngăn bụi, khí thải phát tán ra bên ngoài.

1.1.3. Các phương tiện vận tải tuân thủ đúng trọng tải, phải được đăng kiểm, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 01/10/2022 đến 01/4/2023

2.2. Công trình, thiết bị phát sinh bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại khu vực đầu và cuối hướng gió ranh giới Dự án theo mùa gió chủ đạo (theo vị trí đã được cấp phép tại Phần A phụ lục này).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khu xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Duy trì việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị phun nước dập bụi, chăm sóc cây xanh tại khu vực Dự án, đảm bảo bụi, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.



3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 9 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

**1. Nguồn phát sinh:** Chủ yếu từ hoạt động khai thác đá, chế biến đá, vận chuyển đá nguyên liệu và đá thành phẩm đi tiêu thụ.

#### 2. Vị trí phát sinh:

2.1.1. Đối với hoạt động khai thác đá: Chủ yếu trong phạm vi của khu vực khai thác của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
1	1304430	588621
2	1304354	588736
3	1304117	588786
4	1304069	588656
5	1304148	588392

Và trên đường vận chuyển đá từ khu khai thác về khu chế biến.

2.1.2. Đối với hoạt động chế biến đá: Chủ yếu trong phạm vi của khu vực chế biến của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
A	1304009	588852
B	1304026	588938
C	1304016	588959
D	1304050	589017
E	1303929	589066
F	1303910	589050
G	1303821	588894
H	1303897	588861

Và trên đường vận chuyển đá thành phẩm đi tiêu thụ.

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:**

<b>TT</b>	<b>Từ 6-21 giờ (dBA)</b>	<b>Từ 21-6 giờ (dBA)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	70	55	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Phải sử dụng các loại máy móc đúng công suất và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

- Tuân thủ việc thực hiện nổ mìn theo đúng nội dung, điều kiện sử dụng tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được cấp.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

## PHỤ LỤC 4

### **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

##### **1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 132 kg/năm. Thành phần là dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu mỡ,...

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án chủ yếu là đất, đá thải từ quá trình bóc tầng phủ với tổng khối lượng khoảng của toàn thời gian khai thác là 282.049 m<sup>3</sup> (tương đương khoảng 9.401,6 m<sup>3</sup>/năm)

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 14 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

##### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa (có nắp đậy) riêng từng loại và được chứa tại kho chứa có diện tích 4 m<sup>2</sup> (kích thước 2 m x 2 m), xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí bãi lưu giữ đất, đá thải phía Đông Bắc khu vực chế biến đá diện tích 4.830 m<sup>2</sup>. Xung quanh bãi thải đắp bờ bao bằng đất, chân rộng 3 m, đỉnh rộng 1 m, cao 1,5 m, mái taluy bờ bao tỷ lệ 1:1.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt được công nhân thu gom vào 05 thùng rác dung tích 10 lít/ thùng bố trí tại bếp ăn, nhà làm việc và nhà ở công nhân. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện khai thác đất theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất và trữ lượng và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành về chống ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác và tuân thủ nghiêm các quy định tại QCVN 04:2009/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên nhằm bảo đảm an toàn đối với cộng đồng dân cư, máy móc, thiết bị, các công trình xung quanh khu vực mỏ trong quá trình khai thác.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông, sụt lún trong khu vực khai thác và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

##### 1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án được thực hiện đúng theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016, cụ thể:

1.1. Khu vực khai trường khai thác và xung quanh khai trường: San gạt đáy moong sau khi kết thúc khai thác với lớp đất dày 0,5 m để tái tạo hệ sinh thái; xây dựng mương thoát nước dài 50 m; cải tạo, củng cố bờ tầng vách núi đảm bảo an toàn kỹ thuật; làm hàng rào bằng trồng cây xương rồng rộng 2,5 m xung quanh moong khai thác; lập biển báo nguy hiểm tồn tại vĩnh viễn ghi rõ độ sâu của moong.

1.2. Khu vực sân công nghiệp: Tháo dỡ, vận chuyển các công trình phụ trợ, thiết bị không còn mục đích sử dụng ra khỏi khu vực; san gạt lớp đất dày 0,4 m mặt bằng khu chế biến và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích khu đất này với mật độ 1.100 cây/ha.

1.3. Khu vực bãi thải: San gạt lớp đất dày 0,4 m và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích bãi thải với mật độ 1.100 cây/ha.

1.4. Tuyến đường vận chuyển từ khu vực khai thác đến khu vực chế biến và cầu bắc qua kênh Sông Trâu: Cày xới tuyến đường vận chuyển và trồng cây trên toàn bộ diện tích tuyến đường này; phá dỡ cầu bắc qua kênh Sông Trâu.

##### 2. Kinh phí và thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.460.108.205 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, một trăm lẻ tám nghìn, hai trăm lẻ năm đồng). Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá từ sau năm 2016.

2.2. Thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường: Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau kết thúc khai thác.

#### B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với hạng mục trạm nghiền sàng công suất 120 tấn/giờ còn lại tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Tây Kà Rôm 2 tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 03/11/2016, nếu lắp đặt thì Chủ dự án phải lập hồ

sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Dự án theo quy định và thực hiện việc lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo tại Dự án để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

5. Tổ chức cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và hoạt động này không được làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động dân sinh, sản xuất nông nghiệp của Nhân dân và các công trình xây dựng xung quanh./.